

**SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG
CHI CỤC DÂN SỐ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 42 /KH-CCDS

Kiên Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2025

TRUNG TÂM Y TẾ GIANG THÀNH**ĐẾN** Số: 573
Ngày: 24/3/2025
Thị trấn:
Số hồ sơ số:**KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác Dân số năm 2025**

Căn cứ Công văn số 135/CDS-KHTC ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Cục Dân số về việc hướng dẫn thực hiện công tác dân số năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 255 /QĐ-SYT ngày 19/02/2025 của Giám đốc Sở Y tế về việc giao Chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đối với các Chi cục và các Trung tâm Y tế tuyến tỉnh.

Chi cục Dân số tỉnh Kiên Giang xây dựng kế hoạch thực hiện công tác Dân số năm 2025 như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**1. Mục tiêu**

Phấn đấu tăng mức sinh để đạt mức sinh thay thế, thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, chú trọng giải pháp toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố đặt biệt là tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, tăng cường sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

2. Chỉ tiêu cơ bản

- 1) Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh): 75 tuổi.
- 2) Tỷ số giới tính khi sinh: 109 bé trai/100 bé gái.
- 3) Tổng tỷ suất sinh: 1,96 con/phụ nữ.

3. Chỉ tiêu chuyên môn

- 1) Điều chỉnh mức sinh (+CBR): + tăng 0,2%0 so với năm 2024.
- 2) Giảm số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn: 15% so với năm 2024.
- 3) Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai (BPTT) hiện đại: 110.000 người.
- 4) Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát (Sàng lọc trước sinh) đủ 04 bệnh (Down, Edward, Patau, Thalassemia): 50%.

5) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đủ 05 bệnh (suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản tuyến thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh): 70%.

6) Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: 70%.

7) Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần/năm: 70%.

4. Chỉ tiêu các huyện, thành phố.

Để đạt được chỉ tiêu kế hoạch năm 2025, Chi cục Dân số giao chỉ tiêu cho Trung tâm Y tế huyện, thành phố (**phụ lục 1, 2**).

Đề nghị Trung tâm Y tế các huyện, thành phố tham mưu UBND huyện, thành phố phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2025 và giao chỉ tiêu chuyên môn và cơ bản cụ thể cho xã, phường, thị trấn.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Nhiệm vụ trọng tâm:

Tổ chức Sơ kết 05 năm thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025. Sơ kết, đánh giá các Chương trình, đề án, Tiếp tục triển khai và thực hiện các nội dung Dân số và phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về công tác dân số trong tình hình mới trên hệ thống; Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ nhằm điều chỉnh nội dung, chỉ tiêu phù hợp với tình hình. Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 15/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện công tác dân số trong tình hình mới

2. Giải pháp thực hiện:

- Thực hiện Chương trình số 34-CTr/TU ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tỉnh Ủy Kiên Giang thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, Kế hoạch số 131/KH-UBND, ngày 14/8/2018 xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để các sở, ban, ngành và địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà Nghị quyết số 21-NQ/TW đề ra.

- Tham mưu Sở Y tế các nội dung sau:

+ Trình UBND phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quyết định số 520/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021-2030.

+ Xây dựng được cơ chế phối hợp liên ngành trong thực hiện công tác dân số. thành lập phòng khám lão khoa, khoa lão, khu giường bệnh điều trị người bệnh là người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số.

- Phối hợp với các đơn vị đủ điều kiện thực hiện sàng lọc trước sinh (4 bệnh) và sàng lọc sơ sinh (5 bệnh) theo Quyết định số 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản.

- Phối hợp với các ban ngành đoàn thể triển khai và thực hiện các Kế hoạch về công tác dân số đã được Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt giai đoạn đến năm 2030.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện các Chương trình, đề án

3.1. Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp đến năm 2030 (Chương trình 588 Có kế hoạch cụ thể).

- Đánh giá, sơ kết triển khai thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp giai đoạn 2020-2025; đề xuất điều chỉnh các nhiệm vụ giải pháp giai đoạn 2026-2030.

- Tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản nâng cao chất lượng dân số tại vùng mức sinh thấp năm 2025. Tuyên truyền về lợi ích của việc sinh đủ 2 con khẩu hiệu: ***Gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con***. ***Nam nữ nên kết hôn trước 25 tuổi và sinh đủ 2 con trước tuổi 35***.

- Tổ chức cung cấp kiến thức, nội dung truyền thông cho cấp chính quyền tại cơ sở và viên chức dân số huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và cộng tác viên (Có kế hoạch riêng).

- Phối hợp với các ban, ngành và các Trường Cao đẳng tổ chức sân chơi thanh niên nhằm tuyên truyền về lợi ích của việc sinh đủ 2 con. Nam nữ nên kết hôn trước 25 tuổi và sinh đủ 2 con trước tuổi 35.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ.

3.2. Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ - KHHGD (chương trình 1848 có kế hoạch cụ thể)

- Sơ kết đánh giá 05 năm thực hiện Chương trình Củng cố phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ - KHHGD giai đoạn 2021-2025.

- Cung cấp miễn phí 100% phương tiện tránh thai cho người nghèo, cận nghèo, vùng khó khăn đảm bảo các đối tượng thuộc diện được thụ hưởng chính sách của nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện KHHGD và đảm bảo hậu cần PTTT, giám sát tình hình cung cấp dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình tại Trạm Y tế xã, phường thị trấn, giám sát cộng tác viên dân số về tuyên truyền, tư vấn và cung cấp biện pháp tránh thai tại cộng đồng theo Quyết định 134/QĐ-BYT ngày 19/01/2022 của Bộ Y tế và Quyết định 160/QĐ-CDS ngày 18/7/2024 của Cục Dân số.

- Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGD thường xuyên; chiến

dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGD vùng có mức sinh thấp khám lưu động tại cộng đồng gắn với nâng cao chất lượng dân số tại xã vùng biển đảo và ven biển, xã khó khăn, vùng trọng điểm. Chủ trọng cung cấp 4 gói dịch vụ gồm: gói KHHGD, gói khám phụ khoa, gói khám và phát hiện khiếm khuyết thai nhi, gói tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân tại các khu công nghiệp khu kinh tế; các loại hình KHHGD thân thiện cho vị thành niên, thanh niên phù hợp trong tình hình mới.

- Triển khai các hoạt động thực hiện công tác Dân số thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (thuộc Dự án 7).

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Dân số viên và Cộng tác viên dân số về tư vấn kế hoạch hóa gia đình, hướng dẫn kỹ thuật trong thực hiện dịch vụ KHHGD cho nhân viên y tế tuyến huyện, xã.

3.3. Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh MCBGTKS (Đề án 468 có kế hoạch cụ thể)

- Tổng kết 10 năm triển khai Đề án kiểm soát Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh MCBGTKS giai đoạn 2016-2025.

- Truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về nguy cơ, hậu quả và hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh; lồng ghép nội dung kiểm soát MCBGTKS vào hoạt động các ban ngành đoàn thể.

- Tập huấn đưa nội dung giảng dạy đề án kiểm soát MCBGTKS cho học sinh trong các trường THPT, THCS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

3.4. Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (Chương trình 1579 có kế hoạch cụ thể).

- Sơ kết đánh giá 05 năm Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030, giai đoạn I (2021-2025).

- Tiếp tục triển khai các hoạt động của Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi năm 2025 bao gồm Kế hoạch thực hiện Chương trình 1579 được Ủy ban nhân dân phê duyệt từ nguồn kinh phí hỗ trợ Sở Y tế và Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DA7) từ kinh phí Ủy ban nhân dân hỗ trợ (QĐ 2415/QĐ-BYT).

- Phối hợp với Hội Người cao tuổi tỉnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2024-2028.

- Tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở cộng đồng bao gồm: tư vấn, hướng dẫn người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe; lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi tại cơ sở khám chữa bệnh (bao gồm tuyến huyện, xã); xây

dựng và duy trì hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào Câu lạc bộ liên thế hệ và các loại hình câu lạc bộ khác của người cao tuổi; phát triển mạng lưới tình nguyện viên, tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- + Tổ chức khám sức khỏe và khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi định kỳ ít nhất 01 lần/ năm.

- + Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (thuộc Dự án 7) tại 11 huyện, thành phố theo QĐ 861/QĐ-TTg nguồn kinh phí từ dự án 7 và nguồn kinh phí tại địa phương.

- + Phối hợp thực hiện và nhân rộng và nâng cao hoạt động của các Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau. Tổ chức hội nghị tập huấn chuyên đề về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- + Đào tạo, tập huấn chuyên môn cho người làm công tác tư vấn, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở các cơ sở chăm sóc sức khỏe, người làm công tác dân số, tình nguyện viên cơ sở.

3.5. Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 (Chương trình 537 có kế hoạch riêng)

- Tiếp tục triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình Truyền thông về Dân số và phát triển giai đoạn 2023-2025 và định hướng 2030, đồng bộ các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục bao trùm các mặt về công tác Dân số và phát triển..

- Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể triển khai các hoạt động truyền thông về dân số và phát triển. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, huy động cộng đồng và truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số và phát triển trong tình hình mới; Thay đổi nhận thức của người dân: Thực hiện mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con, thời điểm sinh con lần đầu, duy trì khoảng cách giữa các lần sinh, ổn định mức sinh ...

- Tổ chức các cuộc mít tinh, cổ động, diễu hành, hội nghị chuyên đề nhân các sự kiện truyền thông, các ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm ngành dân số với sự tham gia của các ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội Ngày Thalassemia thế giới 8/5, ngày Dân số Thế giới 11/7; các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Quốc tế người cao tuổi 01/10; Ngày tránh thai thế giới 26/9; Ngày thế giới vì trẻ em gái 11/10; các hoạt động truyền thông giảm thiểu Ngày hưởng ứng ngày Quốc tế trẻ em gái 11/10; Kỷ niệm Tháng hành động quốc gia về Dân số và Ngày Dân số Việt Nam 26/12.

- Nhân rộng các hình thức truyền thông hiện đại trên nền tảng dân số: cung cấp thông tin, tư vấn qua internet, điện thoại di động, truyền thông trên các trang tin phù hợp với từng nhóm đối tượng như (Zalo, Tiktok, Youtube, Facebook....) .

- Nhân bản các ấn phẩm truyền thông bản theo hướng dẫn của Cục Dân số nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác truyền thông dân số.

3.6. Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh (chương trình 1999 có kế hoạch cụ thể)

- Sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh giai đoạn năm 2021-2025.

+ *Phổ cập dịch vụ, Tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân*: Duy trì các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân (tăng 10% so năm 2024). Nội dung hoạt động thực hiện theo Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 07/01/2011 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; tăng cường tư vấn khám sức khỏe trước hôn nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, duy trì các hoạt động sinh hoạt Câu lạc bộ, hội thảo, hội nghị chuyên đề tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông ... lồng ghép hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn.

+ *Tầm soát chẩn đoán trước sinh và sơ sinh*: Tiếp tục thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo hướng dẫn của Cục Dân số theo Công văn số 877/TCDS-CCDS ngày 07/12/2022 của Tổng cục Dân số về việc hướng dẫn quản lý đối tượng thực hiện sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo Quyết định 1999/QĐ-TTg; Công văn 146/BYT-TCDS ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế hướng dẫn đối tượng sử dụng gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí. Đẩy mạnh hoạt động tầm soát chẩn đoán trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao sức khỏe, giảm bệnh, tật bẩm sinh của trẻ sơ sinh xã hội hóa. Tổng số ca sàng lọc trước sinh bao gồm tất cả các hình thức miễn phí, tự chi trả hoặc nguồn huy động hợp pháp khác thực hiện sàng lọc trước sinh (4 bệnh) và sàng lọc sơ sinh (5 bệnh).

- Phối hợp Phụ sản thành phố Cần Thơ (Trung tâm sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh) tập huấn các nội dung và kỹ thuật cơ bản trong gói sàng lọc trước sinh và sơ sinh theo Quyết định số 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản.

- Tăng cường tiếp cận dịch vụ nâng cao chất lượng dân số tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và người dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thông qua các hoạt động.

3.7. Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số (Chương trình 2259 có kế hoạch riêng)

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra giám sát việc thu thập, cập nhật thông tin đầu vào sổ hộ gia đình, thông tin biến động hàng tháng, kết xuất số liệu báo cáo thống kê từ

kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số theo Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế về việc Quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

3.8. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi (DA7)

Hướng dẫn, kiểm tra giám sát và tổ chức tập huấn các nội dung có liên quan đến việc thực hiện “Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Dự án 7- Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; giai đoạn I từ năm 2022 đến năm 2025.

3.9. Chính sách khuyến khích: Thực hiện theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Kiên Giang quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số và Kế hoạch số 349/KH-UBND ngày 29/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang Phát động phong trào thi đua thực hiện Chương trình Dân số và Phát triển giai đoạn 2024 -2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

4. Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy

- Tăng cường vai trò tham mưu tạo sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, chính quyền các cấp, lồng ghép vấn đề dân số và phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, huy động sự tham gia của các ban ngành, đoàn thể có liên quan.

- Rà soát, củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển đáp ứng nhu cầu công việc, đặc biệt là viên chức dân số xã, lực lượng cộng tác viên, nhằm tổ chức thực hiện chương trình Dân số và phát triển đạt được chỉ tiêu kế hoạch. Kiện toàn Ban chỉ đạo quốc gia về Dân số và Phát triển các cấp.

5. Đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ:

- Tham mưu Sở Y tế trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân số các cấp.

- Triển khai thực hiện các kế hoạch tập huấn nghiệp vụ quản lý cho viên chức dân số cấp huyện, xã và cộng tác viên dân số, ngoài ra còn phối hợp với Trung tâm Đào tạo (Cục Dân số) và Trung tâm Chẩn đoán sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh Cần Thơ. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về DS-KHHGD, kiến thức chuyên môn về SLTS và SLSS nhằm đáp ứng nhu cầu công tác dân số trong tình hình mới.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát hỗ trợ

Xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát tình hình thực hiện công tác dân số năm 2025 và các chương trình đề án năm 2025; việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Kế hoạch 349/KH-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc tổ chức, phát động phong trào thi đua

thực hiện chương trình Dân số và Phát triển giai đoạn 2024 - 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 18/11/2024 của Hội đồng Nhân dân bổ sung khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 quy định về mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho công tác viên dân số địa bàn tỉnh Kiên Giang. Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ, Quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số...

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác Dân số năm 2025 của Chi cục Dân số tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Cục Dân số (Báo cáo);
- Sở Y tế (Báo cáo);
- Trung tâm Y tế huyện, TP (Thực hiện);
- Ban lãnh đạo CCDS;
- Các phòng chức năng Sở Y tế: (phối hợp)
- Trang VPĐT;
- Lưu VT; lhtphuyen.



Phụ lục 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-CCDS ngày 24 tháng 3 năm 2025)

STT	Đơn vị	Sàng lọc trước sinh (Số cas) 50%	Sàng lọc sơ sinh (Số cas) 70%	Số người mới thực hiện BPTT hiện đại (người)	Khám SK định kỳ cho NCT (1 lần /năm) người 70%
	TOÀN TỈNH	11.000	15.400	110.000	148.168
1	Tp. Rạch Giá	1.682	2.355	16.679	16.444
2	Tp. Hà Tiên	317	444	3.092	4.694
3	Kiên Lương	483	676	5.050	5.613
4	Giang Thành	219	306	2.139	1.965
5	Hòn Đất	975	1.364	9.710	14.462
6	Tân Hiệp	857	1.200	8.533	11.358
7	Châu Thành	924	1.294	9.098	13.301
8	Giồng Riềng	1.367	1.914	13.639	20.565
9	Gò Quao	740	1.036	7.389	12.384
10	An Biên	757	1.060	7.573	14.696
11	An Minh	776	1.086	7.770	11.610
12	U Minh Thượng	468	655	5.199	5.992
13	Vĩnh Thuận	539	754	4.758	7.452
14	Phú Quốc	789	1.104	8.256	6.339
15	Kiên Hải	109	152	1.116	1.292

Phụ lục 2: CHỈ TIÊU SỐ NGƯỜI THỰC HIỆN BIỆN PHÁP TRÁNH THAI HIỆN ĐẠI*(Kèm theo Kế hoạch số: KH-CCDS ngày 24 tháng 3 năm 2025)*

TT	Đơn vị	TS người mới sử dụng BPTT (người)	Dụng cụ tử cung		Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tiêm tránh thai	Viên uống tránh thai	Bao cao su
			Tổng	Miễn phí				
	TOÀN TỈNH	110,000	24,000	4,660	120	7,500	36,000	42,380
1	Tp. Rach Giá	16,679	3,672	1,839	15	1,000	5,508	6,484
2	Tp. Hà Tiên	3,092	691	0	3	140	1,037	1,221
3	Kiên Lương	5,050	1,054	150	6	550	1,580	1,860
4	Giang Thành	2,139	478	73	2	100	716	843
5	Hòn Đất	9,710	2,126	108	9	630	3,190	3,755
6	Tân Hiệp	8,533	1,870	177	8	550	2,804	3,301
7	Châu Thành	9,098	2,014	500	8	500	3,020	3,556
8	Giồng Riềng	13,639	2,983	415	13	900	4,475	5,268
9	Gò Quao	7,389	1,613	565	9	500	2,419	2,848
10	An Biên	7,573	1,651	255	9	520	2,477	2,916
11	An Minh	7,770	1,690	0	12	550	2,534	2,984
12	U Minh Thượng	5,199	1,159	123	4	250	1,739	2,047
13	Vĩnh Thuận	4,758	1,042	195	5	310	1,562	1,839
14	Tp. Phú Quốc	8,256	1,721	260	15	900	2,581	3,039
15	Kiên Hải	1,116	238	0	2	100	356	420

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 41/KH - CENS ngày, 24 tháng 3 năm 2025

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì;... p. dân sự
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);

- Ngày,..... tháng năm cho ý kiến phân phối, giải quyết.

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày,.... tháng,..... năm cho ý kiến

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày,..... tháng,..... năm đề xuất ý kiến